

Bản án số: 44/2018/DS-PT

Ngày: 21-3-2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế

Ông Nguyễn Văn Dũ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 290/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Như Y, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trương Hoài P, Luật sư Văn phòng Luật sư Hoài P, thuộc đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ:, Phường A, Quận B, Thành Phố H.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh S.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Hoàng Văn Q, Luật sư Văn phòng luật sư Q, thuộc đoàn Luật sư tỉnh S. Địa chỉ: Phường C, thành phố S, tỉnh S.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1986. Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh S.

4. *Người làm chứng:*

4.1/ Anh Nguyễn Hồng P1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh S.

4.2/ Ông Sơn Hồng Q. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh S.

4.3/ Ông Nguyễn Chí Q1. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh S.

4.4/ Ông Lê Thanh N. Địa chỉ: Ấp P, xã G, huyện M, tỉnh S.

4.5/ Ông Huỳnh Văn N1. Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh S.

5. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Trần Thị Như Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn bà Trần Thị Như Y trình bày:** Theo thỏa thuận giữa bà và ông Ngô Văn P về việc bao tiêu lúa của nông dân tại xã Lâm Tân, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thì bà là người trực tiếp đứng ra giao dịch với nông dân, còn ông P là người tiêu thụ. Việc mua lúa diễn ra từ ngày 07-8-2016 đến ngày 27-8-2016 bà đã giao cho ông P tổng cộng 14 ghe lúa với tổng số lượng là 460.628kg với giá 5.050đ/kg. Ông P đã trả cho nông dân được 287.999kg với số tiền là 1.454.394.950 đồng. Số lúa còn lại 172.629kg (*trong đó có hai đơn giá: 4.950đ/kg và 5.050đ/kg*): $50.273\text{kg} \times 4.950\text{đ/kg} = 248.851.350$ đồng; $122.356\text{kg} \times 5.050\text{đ/kg} = 617.897.800$ đồng. Ông P yêu cầu bà tạm ứng trả cho nông dân trước vì ông P chưa thu được tiền từ việc bán lúa. Bà đồng ý và đã trả đủ số tiền cho nông dân 172.629kg với số tiền là 866.749.150 đồng. Ngày 25-9-2016 ông P có viết giấy xác nhận nợ còn thiếu bà số tiền lúa nêu trên. Đến ngày 13-10-2016 ông P mượn tiền của bà 03 lần với số tiền 162.000.000 đồng kèm theo biên nhận. Lúc bà giao tiền cho ông P thì có sự chứng kiến của ông Lê Thanh N. Bà có nhiều lần yêu cầu ông P thanh toán các khoản nợ còn lại cho bà nhưng ông P không trả. Theo đơn phản tố ông P trình bày có giao cho bà 17,5 tấn lúa giống ngày 17-5-2016 bà có ký vào biên nhận nhưng bà không có nhận lúa mà do ông P trực tiếp giao cho nông dân nhưng chỉ giao có 11.200kg. Còn số tiền 1.855.000.000 đồng do chồng bà ông Huỳnh Văn U ký tên vào biên nhận ngày 13-10-2016 nhưng thực tế vợ chồng bà không có nhận tiền từ ông P nên tờ biên nhận ông P cung cấp là không có thực. Nay bà Trần Thị Như Y yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã N giải quyết buộc ông Ngô Văn P trả cho bà hai khoản tiền sau: Tiền mượn 162.000.000 đồng, tiền mua lúa 866.749.150 đồng. Tổng cộng là 1.028.749.150 đồng và không yêu cầu tính lãi. Bà không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Ngô Văn P buộc vợ chồng bà trả cho ông P số tiền 1.071.032.550 đồng.

- **Tại Đơn phản tố ngày 19-11-2016 và lời trình bày của bị đơn ông Ngô Văn P tại phiên tòa như sau:** Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Như Y. Vợ chồng bà Như Y, ông Huỳnh Văn U là người được ông thuê đi thu gom lúa của các hộ dân từ tháng 8-2016 đến tháng 10-2016. Vợ chồng bà Như Y đã ứng của ông số tiền 1.855.000.000 đồng nhưng chỉ mới giao cho ông được 172.629kg lúa, trong đó gồm: $37.039\text{kg} \times 5.050\text{đ/kg} = 187.046.950$ đồng, $135.590\text{kg} \times 4.950\text{đ/kg} = 671.170.500$ đồng. Tổng cộng số tiền là 858.217.450 đồng. Tính chung với số tiền 162.000.000 đồng là tiền thu gom lúa giống của nông dân là

858.217.450 đồng + 162.000.000 đồng = 1.020.217.450 đồng. Bà Như Y đã nhận lúa giống và tiền mặt của ông và còn nợ lại ông các khoản: Nhận 17.500kg lúa giống 5451 x 13.500đ/kg = 236.250.000 đồng; Ứng tiền mua lúa 1.855.000.000 đồng. Tổng cộng 2.091.000.000 đồng. Như vậy, bà Như Y còn thiếu ông số tiền 2.091.000.000 đồng - 1.020.217.450 đồng = 1.071.032.550 đồng. Phần tiền 1.855.000.000 đồng là ông giao cho bà Như Y làm 02 lần, lần đầu ông giao 01 tỷ đồng vào ngày 16-9-2016 để bà Y gom lúa của người dân, việc giao tiền có làm biên nhận, lần thứ 02 ngày 13-10-2016 ông giao 855.000.000 đồng nhưng lần này ông để cho thư ký của ông trực tiếp trả tiền cho dân vì lúc đó dân kéo đến UBND xã rất đông. Sau khi giao xong thì ông có kêu ông Huỳnh Văn U ký vì ông biết tài sản là của chung 02 vợ chồng. Đối với số tiền 162.000.000 đồng mà ông ký nhận ngày 13-10-2016 là bà Y thu lúa giống và tiền phân của người dân trả lại cho ông chứ ông không có mượn tiền của bà Y. Trước đây, ông có yêu cầu giám định chữ viết của ông trong “danh sách lúa giống” do bà Y cung cấp nhưng nay ông rút lại yêu cầu, không yêu cầu giám định nữa. Theo đơn phản tố thì ông yêu cầu vợ chồng bà Y và ông U trả cho ông số tiền 1.071.032.550 đồng. Tại phiên tòa, ông thống nhất với số tiền lúa 172.629kg như bà Như Y ghi trong đơn khởi kiện là 866.749.150 đồng, ông yêu cầu phản tố buộc vợ chồng bà Trần Thị Như Y và ông Huỳnh Văn U trả cho ông số tiền còn thiếu là 1.062.500.850đ (Một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm ngàn, tám trăm năm chục đồng).

- Tại bản tự khai ngày 22-02-2017 và biên bản lấy khai ngày 06-9-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn U trình bày: Theo yêu cầu phản tố của ông P yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền 1.071.032.550 đồng ông không đồng ý vì biên nhận ngày 13-10-2016 do ông ký nhận của anh Phên số tiền 1.855.000.000 đồng là để làm cơ sở giữa vợ ông Trần Thị Như Y và ông Ngô Văn P đối chiếu các khoản mà ông P đã tạm ứng mua lúa trước đây. Ông chỉ ký nhận chứ thực tế ông không có nhận tiền từ ông P nên số tiền này là không có thực.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229; Điều 266; điều 271; Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 256; Điều 428; Điều 429; Điều 435; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc bà Trần Thị Như Y và ông Huỳnh Văn U cùng có trách nhiệm trả cho ông Ngô Văn P số tiền 1.062.500.850đ (Một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm ngàn, tám trăm năm chục đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

* Ngày 12-10-2017, bà Trần Thị Như Y kháng cáo bản án sơ thẩm số 52/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xem xét sửa Bản án sơ thẩm số 52 nêu trên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Như Y không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, bị đơn ông Ngô Văn P không rút đơn phản tố.

* Tại phiên tòa quan điểm của Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Y cho rằng: Bà Trần Thị Như Y đã giao cho bị đơn P tổng cộng 460.628 kg lúa, ông P đã đứng ra trả cho dân được 287.999kg với số tiền là 1.454.394.950 đồng (*bao gồm hai lần trả là ngày 13-10-2016 và ngày 17-10-2016*), số lúa còn lại là 172.629 kg bà Y đã phải lấy tiền của gia đình bà để trả cho dân và ông P đã viết tờ “biên nhận” về số lúa còn thiếu của bà Y vào ngày 25-9-2016. Việc ông P phản tố cho rằng bà Y còn thiếu lại tiền ông là không có cơ sở bởi vì bà Y là người khởi kiện vì quyền và lợi ích của bà bị xâm hại, các nhân chứng đều cho rằng khi hai bên ký nhận vào tờ biên nhận số tiền 1.855.000.000 đồng nhưng không thấy ông P giao tiền cho bà Y. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

* Tại phiên tòa quan điểm của Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn P cho rằng: Tại phiên tòa ông U là chồng bà Y thừa nhận chữ ký trên tờ biên nhận về số tiền 1.855.000.000 đồng là của ông, số tiền viết trên tờ biên nhận này rất lớn và rất rõ ràng nên không thể nhầm lẫn. Trước đó ông P đã khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện T nơi bà Y cư trú nhưng do bà Y đã khởi kiện ở Tòa án nhân dân thị xã N nên ông P mới rút đơn lại để phản tố và giải quyết trong cùng một vụ án mà bà Y khởi kiện. Đối với số tiền lúa giống, tại phiên tòa bà Y thừa nhận có nhận số lúa giống này nên bên bị đơn không phải chứng minh. Nay số tiền bị đơn yêu cầu phía bị đơn chấp nhận và đề nghị đối trừ vào số tiền mà nguyên đơn đã nhận của bị đơn, số tiền còn lại là 1.062.500.850 đồng (*Một tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm ngàn, tám trăm năm chục đồng*) yêu cầu vợ chồng bà Y trả cho bị đơn P như bản án sơ thẩm đã xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:** Tại phiên tòa những người làm chứng là ông Nguyễn Hồng P1, ông Sơn Hồng Q, ông Nguyễn Chí Q1, ông Lê Thanh N, ông Huỳnh Văn N1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của những người này.

[2]. **Về nội dung:**

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị Như Y đối với bản án số 52/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đơn khởi kiện của bà Y, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Bà Trần Thị Như Y và ông Ngô Văn P có hợp đồng bằng miệng về việc mua bán lúa giống và thu mua lúa của nông dân vụ lúa xuân hè năm 2016. Theo thỏa thuận bà Y có trách nhiệm nhận lúa giống của ông P để về bán lại cho nông dân và thu tiền lúa trả cho ông P. Trong việc thu mua lúa của nông dân thì bà Y là người trực tiếp đứng ra giao dịch với nông dân, khi cân lúa ông P cho người cùng với bà Y đứng ra cân lúa của dân và ông P là người viết biên nhận về số lúa cân và hẹn ngày trả tiền cho nông dân ghi trong biên nhận này. Còn bà Y thì được nhận tiền huê hồng là 20.000 đồng/01 tấn lúa mà phía ông P cân của hộ dân do phía ông P chi trả.

2.2. Thực hiện thỏa thuận này, vào ngày 17-5-2016, phía ông P đã giao cho bà Y 17.500 kg lúa giống loại 5451 (bút lục số 125), tại phiên tòa bà Y thừa nhận có nhận số lúa giống này từ phía ông P và bán lại cho người dân, bà Y có trách nhiệm thu tiền lúa giống để trả cho ông P. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận việc bà Y có nhận của ông P 17.500 kg lúa giống là sự thật và bà Y có trách nhiệm trả tiền mua lúa giống này cho ông P ($17.500 \text{ kg} \times 13.500 \text{ đồng/kg} = 236.250.000 \text{ đồng}$).

2.3. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y cho rằng bà đã đứng ra mua của dân tổng cộng 460.628 kg lúa và giao cho ông P, trong số lúa này ông P đã trực tiếp đứng ra trả cho các hộ dân được 287.999 kg lúa tương ứng số tiền 1.454.394.950 đồng. Số lúa còn lại 172.629 kg (*có 02 đơn giá là $50.273 \text{ kg} \times 4.950 \text{ đồng/kg} = 248.851.350 \text{ đồng}$; $122.356 \text{ kg} \times 5.050 \text{ đồng/kg} = 617.897.800 \text{ đồng}$*) thành tiền là 866.749.150 đồng. Số lúa này ông P yêu cầu bà Y ứng ra trả tiền trước cho các hộ dân bán lúa, ông P có lập tờ “Biên nhận” vào ngày 25-9-2016. Về số lúa như nguyên đơn Y trình bày, bị đơn P thừa nhận là đúng nhưng về số tiền thì ông P thừa nhận là 858.217.450 đồng ($37.039 \text{ kg} \times 5.050 \text{ đồng/kg} = 187.046.950 \text{ đồng}$; $135.590 \text{ kg} \times 4.950 \text{ đồng/kg} = 671.170.500 \text{ đồng}$). Từ sự thừa nhận của ông P về số lúa như bà Y khởi kiện là đúng, về số tiền của số lúa này như bà Y trình bày ông P không thống nhất, trong biên nhận ngày 25-9-2016 không thể hiện số tiền, bà Y không có chứng cứ nào chứng minh số tiền như bà trình bày. Từ sự thừa nhận của

ông P về số lúa như bà Y trình bày và về số tiền mà ông P thừa nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, công nhận ông P có nhận số lúa 172.629 kg, thành tiền là 858.217.450 đồng từ bà Y là sự thật.

Ngoài ra vào ngày 13-10-2016, bà Y còn cho rằng ông P còn mượn của bà số tiền 162.000.000 đồng, khi mượn có viết “Biên nhận”. Số tiền này tại phiên tòa phúc thẩm ông P thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận ông P có mượn của bà Y số tiền 162.000.000 đồng là sự thật.

2.4. Ông P thừa nhận số lúa và khoản tiền mượn này như bà Y trình bày, nhưng ông cho rằng: Vào ngày 13-10-2016, vợ chồng bà Y có ứng tiền mua lúa của ông số tiền 1.855.000.000 đồng (*có biên nhận, bút lục số 26*). Tại phiên tòa ông P cho rằng trong số tiền này vào ngày 16-9-2016 ông có giao cho bà Y 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*) và bà Y có làm biên nhận về số tiền này cho ông, đến ngày 13-10-2016 ông P đứng ra trả trực tiếp cho các hộ dân với số tiền 855.000.000 đồng, cộng cả số tiền lần trước và tiền mà ông đứng ra trả cho các hộ dân bán lúa cho ông tổng cộng là 1.855.000.000 đồng và ông Huỳnh Văn U là chồng bà Y đã ký xác nhận trong tờ “Biên nhận” này. Do đó ông đề nghị cộng cả số tiền lúa giống thì vợ chồng bà Y đã nhận của ông tổng số tiền là 2.091.250.000 đồng, ông đồng ý trừ vào số tiền mà bà Y yêu cầu là 1.028.749.150 đồng. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà Y phải trả cho ông số tiền còn lại là 1.062.500.850 đồng. Xét phần trình bày và yêu cầu này của ông P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*) mà ông P cho rằng đã giao cho bà Y và có biên nhận và biên nhận này đã bị ông hủy bỏ tại UBND xã L, huyện T, tỉnh S trước mặt công an viên của xã là ông Lê Thanh N do ông U là chồng bà Y đã ký xác nhận số tiền này trong biên nhận ngày 13-10-2016. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông P xuất trình chứng cứ là “*Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn*” (Bút lục số 215) thể hiện vào ngày 15 và ngày 16 tháng 9 năm 2016 ông P rút hai lần, mỗi lần rút 500.000.000 đồng để giao cho bà Y số tiền 1.000.000.000 đồng. Xét thấy đây là số tài khoản cá nhân của ông P, nên việc ông nhận và rút tiền trong tài khoản này để phục vụ cho cá nhân ông, trong “*Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn*” thể hiện ông P là người trực tiếp rút hai lần vào hai ngày 15 và 16-9-2016 số tiền 1.000.000.000 đồng, trong này không thể hiện việc ông chuyển giao số tiền này cho bà Y như ông trình bày; ngoài ra ông không còn chứng cứ nào thể hiện việc ông giao cho bà Y số tiền 1.000.000.000 đồng như ông trình bày. Tại biên bản xác minh ngày 12-02-2018, ông Lê Thanh N là người ký xác nhận trong tờ biên nhận số tiền 1.855.000.000 đồng vào ngày 13-10-2016 mà có ông U ký, theo ông Nhân trình bày là ông không thấy ông P đưa tờ “biên nhận” và cũng không thấy ông P hủy bỏ tờ “biên nhận” nào thể hiện số tiền 1.000.000.000 đồng mà vợ chồng bà Y đã nhận của ông P như ông P trình bày; hơn nữa nếu bà Y đã nhận của ông P số tiền 1.000.000.000 đồng và có biên nhận về số tiền này thì vào ngày 13-10-2016 ông P sẽ xuất trình với xã để chứng minh trách nhiệm trả tiền lúa cho dân là của bà Y chứ không phải của ông P. Do đó không có cơ sở để chấp nhận về số tiền một tỷ đồng như ông P trình bày.

Đối với số tiền 855.000.000 đồng trong tờ “biên nhận” lập ngày 13-10-2016, theo ông P trình bày tại phiên tòa thì số tiền này ông P và thư ký của ông đã đứng ra trả trực tiếp cho dân, ông P không đưa số tiền này cho bà Y trả nhưng ông vẫn cộng chung số tiền này vào với số tiền một tỷ và làm tờ “biên nhận” và đưa cho ông U (chồng bà Y) ký xác nhận. Xét thấy: Số tiền 855.000.000 đồng này ông P thừa nhận ông là người trực tiếp đứng ra trả cho các hộ dân đã bán lúa cho ông và ông đã nhận số lúa của những hộ dân mà ông đã đứng ra trả tiền cho họ. Như vậy ông P thừa nhận đã nhận số lúa tương đương với số tiền 855.000.000 đồng và đây là trách nhiệm của ông chứ không phải của vợ chồng bà Y nên việc ông ghi số tiền này vào biên nhận ngày 13-10-2016 cho vợ chồng bà Y trong khi vợ chồng bà Y không nhận số lúa tương đương với số tiền 855.000.000 đồng này từ ông. Do đó tờ “biên nhận” lập vào ngày 13-10-2016 ghi số tiền 855.000.000 đồng này cho vợ chồng bà Y là không chính xác.

Tại phiên tòa ông P cho rằng vào ngày 13-10-2016, khi ông đứng ra trả tiền cho người dân là trả trên số lúa 172.629 kg theo như tờ biên nhận mà ông đã ký vào ngày 25-9-2016, xét thấy: Số tiền mà ông P đứng ra trả cho người dân vào ngày 13-10-2016 chỉ là 172.497 kg tương đương số tiền 742.637.000 đồng (*theo danh sách kê khai do ông P cung cấp*); hơn nữa tại đơn phản tố của ông P, ông thừa nhận số lúa 172.629 kg tương đương với số tiền là 858.217.450 đồng. Nhưng thực tế khi ghi biên nhận cho ông U (chồng bà Y) ký nhận ông P lại ghi số tiền 855.000.000 đồng là không chính xác và không phù hợp với phần trình bày của ông về việc ông trả số tiền tương đương với 172.629 kg lúa theo biên nhận ngày 25-9-2016. Do đó không có cơ sở để chấp nhận phần trình bày này của ông P.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Như Y có cơ sở để chấp nhận. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Ngô Văn P là chưa đủ cơ sở để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận phần trình bày của vị Luật sư tham gia bảo vệ cho nguyên đơn, không chấp nhận phần trình bày và đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Đối với quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần và sửa bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu của bà Y về tiền thù lao trong việc cân, mua lúa như thỏa thuận giữa bà Y và ông P, xét thấy: Tại phiên tòa sơ thẩm và trong đơn kháng cáo của bà Y không đề cập đến và tại phiên tòa các bên còn chưa thống nhất về số lượng lúa mà bà Y tham gia cân và ghi để hưởng thù lao nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, bà Y có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác để yêu cầu tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Ngoài ra tại bản án sơ thẩm số 52/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng tại phần quyết định của bản án không nêu có chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không, có chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn hay không nhưng vẫn tuyên buộc bà Y trả tiền cho ông P là thiếu sót và bỏ qua trách nhiệm chịu án phí của bị đơn đối với số tiền mà Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó cấp phúc thẩm nêu đề cập sơ

thẩm rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí: Do vụ án bị sửa theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên về án phí phúc thẩm bà Y không phải chịu. Đối với án phí sơ thẩm Hội đồng xét xử sửa lại cho phù hợp với các qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1, khoản 5 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị Như Y, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 52/2017/DS-ST, ngày 29-9-2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Như Y. Buộc bị đơn Ngô Văn P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Y tổng số tiền 1.020.217.450 đồng (*Số tiền này không tính lãi do bà Y không có yêu cầu tính lãi*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Ngô Văn P. Buộc nguyên đơn Trần Thị Như Y và ông Huỳnh Văn U có trách nhiệm trả cho ông P số tiền 236.250.000 đồng (*giá trị của 17.500 kg lúa giống, số tiền này cũng không phải tính lãi vì ông P không có yêu cầu*). Không chấp nhận yêu cầu của ông P về việc buộc nguyên đơn Y trả cho ông số tiền 1.854.750.000 đồng.

Kể từ ngày các bên đương sự có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Ngô Văn P phải chịu 42.606.500 đồng đối với số tiền buộc phải trả cho bà Y và 67.642.500 đồng tiền án phí đối với phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận, tổng số tiền án phí sơ thẩm mà ông P phải chịu là 110.249.000 đồng. Ông P được khấu trừ vào số tiền 22.066.000 đồng mà ông đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai 0004507 ngày 16-12-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông P còn phải nộp thêm số tiền 88.183.000 đồng.

- Buộc bà Trần Thị Như Y và ông Huỳnh Văn U phải chịu 11.812.500 đồng tiền án phí đối với số tiền buộc trả cho ông P. Bà Y và ông U được khấu trừ vào số tiền 21.431.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004477 ngày 09-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Như

vậy bà Y và ông U được nhận lại số tiền 9.618.500 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị Như Y không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả lại cho bà Y số tiền 300.000 đồng mà bà đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008042 ngày 12-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Khánh Hùng